



CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 54 + 55

Ngày 30 tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

20-11-2023	Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	3
------------	--	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

21-11-2023	Quyết định số 2912/QĐ-UBND phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính Lĩnh vực tài nguyên nước, khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	18
21-11-2023	Quyết định số 2913/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	84
21-11-2023	Quyết định số 2914/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	90
21-11-2023	Quyết định số 2915/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực công chứng;	93

lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày
06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn
thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn
thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4189/TTr-STC
ngày 25 tháng 10 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu (sau đây viết tắt là CSDL) về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật của nhà nước được quy định tại Luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi triển khai vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gồm:

- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá.
- Cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp và cập nhật thông tin về giá vào CSDL về giá.
- Các doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá, doanh nghiệp thẩm định giá.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cung cấp, thu thập, cập nhật, khai thác, quản lý, vận hành CSDL về giá.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là tập hợp tài liệu, dữ liệu thông tin về giá của tài sản, hàng hóa, dịch vụ và các thông tin liên quan, do Sở Tài chính xây dựng quản lý một cách có hệ thống, có tổ chức nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của nhà nước và của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thông tin về giá cả các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản là toàn bộ các thông tin về danh mục và mức giá của các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản do các đơn vị cung cấp, cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

3. Dữ liệu ngành là dữ liệu của một ngành, lĩnh vực do cơ quan nhà nước quản lý.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 4. Điều kiện vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Địa chỉ truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên:

a) Địa chỉ truy cập dành cho các cán bộ, công chức của Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan: <https://csdlgiastc.thainguyen.gov.vn>;

b) Địa chỉ truy cập dành cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh: <https://csdlgia.thainguyen.gov.vn>.

2. Để truy cập, sử dụng được CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thì máy vi tính của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phải được kết nối Internet và được cài đặt một trong các trình duyệt web sau trở lên: Mozilla Firefox 30.0, Internet Explorer 8.0 và Chrome/Chromium 33.0.

3. Thông tin nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sử dụng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 và gõ dấu tiếng Việt. Các văn bản dùng hệ phông chữ khác với Unicode, phải được chuyển đổi sang định dạng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 trước khi tải vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 5. Tài khoản sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Sở Tài chính quản lý hệ thống CSDL về giá tại địa phương: Giữ tài khoản quản trị hệ thống; cấp tài khoản và phân quyền cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo chức năng nhiệm vụ được giao; phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ xây dựng CSDL về giá hướng dẫn khai thác, sử dụng và nâng cấp CSDL về giá đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp tài khoản trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và các cơ quan và các đơn vị khác có liên quan để thực hiện công việc thu thập dữ liệu, cập nhật dữ liệu, kiểm duyệt dữ liệu và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền.

3. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng tài khoản được cấp sẵn theo văn bản triển khai; đối với các đơn vị chưa có tài khoản thực hiện theo quy trình cấp tài khoản theo Khoản 3 Điều này.

4. Tổ chức, cá nhân, người dân, doanh nghiệp không cần tài khoản đăng nhập có thể khai thác được những thông tin công khai trên cổng thông tin như sau: Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá xây dựng và các dữ liệu công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

5. Quy trình cấp tài khoản sử dụng

Trong quá trình vận hành, đơn vị có nhu cầu cấp tài khoản cần thực hiện theo các bước sau:

a) Đơn vị có nhu cầu cấp tài khoản gửi văn bản đề nghị cấp tài khoản sử dụng đến Sở Tài chính.

b) Sở Tài chính xem xét, cấp tài khoản và phân quyền sử dụng trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

c) Thông tin tài khoản được cấp trong phong bì có dấu mật được Sở Tài chính gửi đến đơn vị đề nghị.

d) Đơn vị nhận tài khoản và đổi mật khẩu trong lần đầu tiên đăng nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

đ) Thời gian xử lý cấp tài khoản không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị.

6. Tên tài khoản trong CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được tạo theo nguyên tắc như sau:

a) Tài khoản người dùng là cán bộ, công chức Sở Tài chính:

[Họ] [Tên đệm] [Tên] - [phòng, đơn vị]

Lưu ý: Tên tài khoản được viết không có dấu.

b) Tài khoản của người dùng là cán bộ, công chức của các sở, ban, ngành, phòng Tài chính cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan:

[Địa chỉ] - [Tên đơn vị] - [Mã vai trò]

- Địa chỉ: Địa chỉ của đơn vị (ví dụ: phoyen; songcong...)

- Mã vai trò: CV: Chuyên viên; LD: Lãnh đạo.

Lưu ý: Tên tài khoản được viết không có dấu.

7. Đảm bảo an toàn đối với tài khoản sử dụng

a) Đối với tài khoản dùng chung cho một đơn vị, phải có cơ chế xác định các cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản. Danh sách cán bộ sử dụng CSDL về giá gửi về Sở Tài chính để phối hợp, quản lý.

b) Trường hợp người dùng thay đổi vị trí công tác, chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu phải thông báo kịp thời cho Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ các quyền sử dụng của người dùng đó trong hệ thống.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao sử dụng tài khoản của hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm về tài khoản được giao theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Trách nhiệm cập nhật thông tin trên CSDL về giá đối với sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, doanh nghiệp và đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Sở Tài chính

- Hệ số điều chỉnh giá đất.
- Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh.
- Giá tính thuế tài nguyên.
- Giá nước sạch sinh hoạt.
- Giá đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe.
- Giá đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.
- Giá tính lệ phí trước bạ nhà do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.
- Tiếp nhận và duyệt văn bản kê khai giá, đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá, kê khai giá tại Sở Tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.
- Giá hàng hóa, dịch vụ khác do UBND tỉnh quyết định theo chức năng, lĩnh vực được phân công.
- Cập nhật văn bản quản lý nhà nước về giá sau khi có văn bản pháp luật mới ban hành.

2. Sở Công Thương

- Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá của các doanh nghiệp thực hiện đăng ký giá tại Sở Công Thương.

- Giá dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp.

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Giá kê khai, văn bản kê khai giá hàng hóa là sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá; hàng hóa, dịch vụ là thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.

- Tiếp nhận và duyệt văn bản kê khai giá, đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Giao thông vận tải

- Giá đối với dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh.

- Giá đối với dịch vụ sử dụng đò, dịch vụ qua cầu treo.

- Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.

- Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá của các doanh nghiệp thực hiện đăng ký giá tại Sở Giao thông Vận tải.

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Tiếp nhận và duyệt văn bản kê khai giá cước dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; cước vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến

cổ định; cước vận tải hành khách bằng xe taxi; hồ sơ kê khai giá, đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Sở Y tế

- Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá của các doanh nghiệp thực hiện đăng ký giá tại Sở Y tế.

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Tiếp nhận và duyệt văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ là thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá; hàng hóa, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước. Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá quy định do Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ và quản lý theo quy định.

- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.

- Tiếp nhận và duyệt văn bản kê khai giá, đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc tỉnh quản lý.

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.

- Tiếp nhận và duyệt văn bản kê khai giá, đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Khung giá rừng áp dụng trên địa bàn tỉnh.
- Giá đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
- Tiếp nhận và duyệt văn bản đăng ký giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá của các doanh nghiệp thực hiện đăng ký giá tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.
- Duyệt hồ sơ kê khai giá, đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh quy định.
- Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất của UBND tỉnh.
- Giá đối với dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; giá dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý do đơn vị trình UBND tỉnh ban hành quyết định.
- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.
- Tiếp nhận và duyệt văn bản kê khai giá, đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

8. Sở Xây dựng

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

- Bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thái Nguyên.
- Chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh.
- Giá vật tư vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.
- Giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.
- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.

- Tiếp nhận và duyệt văn bản kê khai giá, đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

9. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) từng tháng, quý, năm tại tỉnh.

10. Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên: Giá cho thuê đất đối với các tổ chức do Cục thuế ban hành thông báo đơn giá thuê đất.

11. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.
- Tiếp nhận, cập nhật thông tin các loại giá, khung giá và các loại phí sử dụng kết cấu hạ tầng trong khu công nghiệp.

- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.

12. Các sở, ngành, cơ quan và đơn vị khác có liên quan

- Cập nhật giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.
- Cập nhật giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý của các sở, ngành, cơ quan và đơn vị có trách nhiệm tự rà soát, cập nhật các loại hàng hóa, dịch vụ...thuộc phạm vi quản lý vào CSDL về giá tại địa phương theo quy định.

13. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

- Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá của các doanh nghiệp thực hiện đăng ký giá tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá của các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Giá trúng thầu hàng hóa dịch vụ do đơn vị thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật đấu thầu: Cập nhật khi có nghiệp vụ phát sinh.

- Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường cập nhật thông tin về giá khởi điểm để đấu giá, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định; giá đất tái định cư; giá đất bồi thường giải phóng mặt bằng và các nội dung khác thuộc nhiệm vụ được giao.

c) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật thông tin về giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (*nuôi trồng thủy sản*) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và các nội dung khác thuộc nhiệm vụ được giao.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan cập nhật thông tin liên quan đến lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

14. Đối với các doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp đăng ký, kê khai giá cập nhật thông tin về hồ sơ đăng ký giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá; Hồ sơ kê khai của các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá.

b) Doanh nghiệp thẩm định giá cập nhật thông tin giá tài sản thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thẩm định.

c) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng trong Khu công nghiệp, Cụm Công nghiệp cập nhật thông tin hồ sơ đăng ký giá theo quy định.

Điều 7. Hình thức cập nhật dữ liệu CSDL về giá

1. Cách 1: Nhập trực tiếp thông tin vào CSDL về giá.
2. Cách 2: Tải mẫu file Excel được kết xuất từ CSDL về giá; nhập dữ liệu và Import file Excel vào CSDL về giá.

Điều 8. Tần suất cập nhật dữ liệu CSDL về giá

1. Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường: Cập nhật định kỳ 01 lần trước ngày 05 tháng tiếp theo của kỳ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá: Thực hiện cập nhật khi phát sinh yêu cầu đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

3. Giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá: Cập nhật khi có văn bản định giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

4. Thông tin tài sản thẩm định giá: Khi phát hành chứng thư thẩm định giá cho khách hàng.

5. Các thông tin khác: Cập nhật kịp thời văn bản quản lý nhà nước về giá theo lĩnh vực khi có văn bản pháp luật mới ban hành. Trường hợp có biến động bất thường về giá hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo đột xuất tình hình biến động giá của hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tại địa phương gửi cơ quan có thẩm quyền, đồng thời gửi Sở Tài chính.

Điều 9. Phê duyệt dữ liệu

1. Người được giao nhập dữ liệu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm rà soát đảm bảo tính chính xác của dữ liệu trước khi gửi đi phê duyệt.

2. Dữ liệu về giá, sau khi được cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nhập vào CSDL về giá được lãnh đạo xác nhận và kiểm duyệt thông tin đảm bảo tính chính xác của dữ liệu trước khi thực hiện duyệt dữ liệu.

3. Sở Tài chính sau khi tiếp nhận dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương gửi lên CSDL về giá thực hiện duyệt dữ liệu theo quy định.

Điều 10. Công khai dữ liệu

Sở Tài chính thiết lập các dữ liệu tự động công khai giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo quy định.

Điều 11. Khai thác sử dụng thông tin trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Sở Tài chính là đầu mối chủ trì quản lý, khai thác và sử dụng thông tin trong CSDL về giá nhằm cung cấp thông tin về giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia cung cấp, cập nhật thông tin về giá phục vụ xây dựng CSDL về giá được phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác dữ liệu về giá ngoài phạm vi quản lý phải được UBND tỉnh (cơ quan được giao quản lý) cho phép.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng số liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên vào mục đích cá nhân mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trừ các dữ liệu đã được công khai trên hệ thống.

Điều 12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia và các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các Bộ, ngành.

2. Mô hình kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu đến các Hệ thống thông tin CSDL có liên quan thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Thái Nguyên theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Nguyên, phiên bản 2.0.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, tổ chức, đơn vị triển khai CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên vận hành thông suốt.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn vận hành, sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c) Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho việc đồng bộ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với Hệ thống CSDL quốc gia về giá.

d) Sao lưu dữ liệu được tạo ra từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với tần suất 01 tháng 01 lần vào ngày cuối tháng, đảm bảo khả năng khôi phục lại dữ liệu khi xảy ra sự cố.

đ) Bảo đảm an toàn cho hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

e) Tiếp nhận yêu cầu từ các đơn vị, thực hiện hỗ trợ người sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên về kỹ thuật công nghệ thông tin, xử lý vướng mắc của các đơn vị nghiệp vụ trong quá trình sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; kịp thời bổ sung, điều chỉnh các tài khoản truy cập theo quy định khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và cá nhân; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

g) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đối với các loại giá theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

h) Định kỳ tháng, quý thực hiện kiểm tra dữ liệu trong hệ thống, đôn đốc các đơn vị thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

i) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả việc cập nhật, khai thác và quản lý, vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ cho hệ thống. Phối hợp với Sở Tài chính, đảm bảo hệ thống vận hành, kết nối chia sẻ theo quy định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Các doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá, doanh nghiệp thẩm định giá; Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cung cấp, thu thập, cập nhật, khai thác, quản lý, vận hành CSDL về giá

a) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm của đơn vị.

b) Thông báo sự cố, vấn đề cần hỗ trợ trong quá trình ứng dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để được hỗ trợ.

c) Khai thác thông tin, báo cáo theo phân quyền trên hệ thống, sử dụng thông tin đúng mục đích, đúng quy định.

d) Quản lý đảm bảo an ninh, an toàn đối với tài khoản truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được cấp.

đ) Thông báo bằng văn bản đến Sở Tài chính những trường hợp bổ sung, điều chỉnh tài khoản và quyền truy cập, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

e) Nghiêm cấm việc khai thác, sử dụng thông tin CSDL về giá cho các nội dung trái quy định của pháp luật

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tuân thủ đúng các quy định về quản lý giá, quy định về an toàn thông tin của pháp luật và Quy chế này.

2. Việc trao đổi, gửi văn bản mật và các thông tin được quy định không trao đổi qua môi trường mạng phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định khác về quản lý thông tin trên mạng internet.

3. Các thông tin về tài khoản truy cập vào hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các thông tin trao đổi hợp pháp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được bảo mật theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi phát tán mã độc máy tính thông qua CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Cá nhân, đơn vị, tổ chức được giao sử dụng các tài khoản của hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm về tài khoản được giao theo quy định của hiện hành của Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2912/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính
Lĩnh vực tài nguyên nước, khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền quản lý
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đính chính Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 760/TTr-STNMT ngày 06/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 15 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước, 03 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên; 02 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (*Phụ lục kèm theo*).

Bãi bỏ 15 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (*thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 18, số thứ tự I, mục A, phần I và (thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 18, số thứ tự I, mục A, phần II)*); 01 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (*thủ tục hành chính số 1, số thứ tự I, mục B, phần I và thủ tục hành chính số 1, số thứ tự I, mục B, phần II*); 03 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (*thủ tục hành chính số 1, 2, 3, số thứ tự II, mục A, phần I và thủ tục hành chính số 1, 2, 3, số thứ tự II, mục A, phần II*) đã được ban hành tại Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính Lĩnh vực tài nguyên nước, khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

Phụ lục:
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN NƯỚC, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THUỘC THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

Phần I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
A	TTHC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
I. TTHC thực hiện tại Sở Tài nguyên và Môi trường	
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày làm việc đêm
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày làm việc đêm
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày làm việc đêm
4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày làm việc đêm
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày làm việc đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày làm việc đêm

6	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3 , hoặc lưu lượng khai thác từ $2\text{m}^3/\text{giây}$ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3 , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới $5\text{m}^3/\text{giây}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 $\text{m}^3/\text{ngày}$ làm việc đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 $\text{m}^3/\text{ngày}$ làm việc đêm
7	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
9	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi
10	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
11	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt
12	Đăng ký khai thác nước dưới đất
13	Trả lại giấy phép tài nguyên nước
14	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
15	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ $10\text{ m}^3/\text{giây}$ trở lên
II. TTHC thực hiện tại UBND cấp huyện	
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất

2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giờ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000m) có lưu lượng từ 12.000 m ³ /ngày làm việc đêm trở lên
B	TTHC LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
I. TTHC thực hiện tại Sở Tài nguyên và Môi trường	
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

**Phần II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG QUY TRÌNH NỘI BỘ
GIẢI QUYẾT TTHC**

A. TTHC Lĩnh vực Tài nguyên nước

I. TTHC thực hiện tại Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tên thủ tục hành chính Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày làm việc đêm

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định. - Thu phí thẩm định hồ sơ. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định 	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc

	cầu theo quy định thì làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.		
II	Thẩm định hồ sơ và cấp phép		30 ngày làm việc
Bước 1	<p>Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng); nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định.</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Làm văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc;</p> <p>+ Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại; trình Lãnh đạo</p>	Cán bộ thụ lý hồ sơ	26 ngày làm việc

	Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.		
Bước 2	- Xem xét văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản thông báo phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo; hoặc văn bản lập lại đề án, báo cáo. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	03 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký Giấy phép và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày làm việc
III	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		03 ngày làm việc
Bước 1	kể từ ngày làm việc nhận được giấy phép, làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký văn bản bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu để ban hành và chuyển văn bản cho Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			36 ngày làm việc

2. Tên thủ tục hành chính: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày làm việc đêm

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định. - Thu phí thẩm định hồ sơ. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định 	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	<p>Xem xét, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. 	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ và cấp phép		25 ngày làm việc
Bước 1	Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành	Cán bộ thụ lý hồ sơ	21 ngày làm việc

	<p>viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng); nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định.</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép: Làm văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc;</p> <p>+ Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p>		
Bước 2	<p>- Xem xét văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản thông báo phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo; hoặc văn bản lập lại đề án, báo cáo.</p> <p>- Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định</p>	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	03 ngày làm việc

Bước 3	Xem xét ký Giấy phép và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày làm việc
III	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		03 ngày làm việc
Bước 1	Kể từ ngày làm việc nhận được giấy phép, làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu để ban hành và chuyển văn bản cho Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			31 ngày làm việc

3. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày làm việc đêm

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục	1/2 ngày làm việc

	<p>tuyên và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu phí thẩm định hồ sơ. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định 	vụ hành chính công	
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	<p>Xem xét, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. 	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ		24 ngày làm việc
Bước 1	<p>Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng); nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Làm Tờ trình; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ 	Cán bộ thụ lý hồ sơ	20 ngày làm việc

	<p>những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc;</p> <p>+ Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p>		
Bước 2	<p>- Xem xét Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản thông báo phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo; hoặc văn bản lập lại đề án, báo cáo.</p> <p>- Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định</p>	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	02 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo giấy phép và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BDKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 4	Chuyển Tờ trình và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
III	Quyết định cấp giấy phép		06 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, quyết định:	UBND tỉnh	05 ngày làm việc

	<p>- Nếu đủ điều kiện, ban hành Giấy phép và chuyển Giấy phép về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.</p> <p>- Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.</p>		
IV	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		03 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả của UBND tỉnh cho phòng TNN, KTTV&BDKH	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Kể từ ngày làm việc nhận được giấy phép, làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký văn bản bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu để ban hành và chuyển văn bản cho Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			36 ngày làm việc

4. Tên thủ tục hành chính: Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày làm việc đêm

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định. - Thu phí thẩm định hồ sơ. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BDKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định 	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	<p>Xem xét, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. 	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ		19 ngày làm việc
Bước 1	Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành	Cán bộ thụ lý hồ sơ	15 ngày làm việc

	<p>viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng); nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định.</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép: Làm Tờ trình; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc;</p> <p>+ Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p>		
<p>Bước 2</p>	<p>- Xem xét Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản thông báo phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo; hoặc văn bản lập lại đề án, báo cáo.</p> <p>- Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định</p>	<p>Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.</p>	<p>02 ngày làm việc</p>

Bước 3	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo giấy phép và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 4	Chuyển Tờ trình và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
III	Quyết định cấp giấy phép		06 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, quyết định: - Nếu đủ điều kiện, ban hành Giấy phép và chuyển Giấy phép về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
IV	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		03 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả của UBND tỉnh cho phòng TNN, KTTV&BĐKH	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Kể từ ngày làm việc nhận được giấy phép, làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét Văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc

	nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu để ban hành và chuyển văn bản cho Trung tâm Phục vụ hành chính công		
Bước 5	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			31 ngày làm việc

5. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3 , hoặc lưu lượng khai thác từ $2\text{m}^3/\text{giây}$ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3 , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới $5\text{m}^3/\text{giây}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $50.000\text{m}^3/\text{ngày}$ làm việc đêm.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định. - Thu phí thẩm định hồ sơ. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định 	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc

Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ		24 ngày làm việc
Bước 1	Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng); nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định. + Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Làm Tờ trình; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc; + Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, làm văn bản thông báo cho tổ	Cán bộ thụ lý hồ sơ	20 ngày làm việc

	chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.		
Bước 2	- Xem xét Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản thông báo phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo; - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	02 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo giấy phép và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BDKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 4	Chuyển Tờ trình và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
III	Quyết định cấp giấy phép		06 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, quyết định: - Nếu đủ điều kiện, ban hành Giấy phép và chuyển Giấy phép về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
IV	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		03 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả của UBND tỉnh cho phòng TNN, KTTV&BDKH	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	1/2 ngày làm việc

Bước 2	Kể từ ngày làm việc nhận được giấy phép, làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký văn bản bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu để ban hành và chuyển văn bản cho Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			36 ngày làm việc

6. Tên thủ tục hành chính: Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày làm việc đêm;

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục	1/2 ngày làm việc

	<p>tuyển và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu phí thẩm định hồ sơ. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định 	vụ hành chính công	
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	<p>Xem xét, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. 	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ		19 ngày làm việc
Bước 1	<p>Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng); nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép: Làm Tờ trình; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ 	Cán bộ thụ lý hồ sơ	15 ngày làm việc

	<p>những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc;</p> <p>+ Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p>		
Bước 2	<p>- Xem xét Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản thông báo phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo; hoặc văn bản lập lại đề án, báo cáo.</p> <p>- Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định</p>	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	02 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo giấy phép và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BDKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 4	Chuyển Tờ trình và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
III	Quyết định cấp giấy phép		06 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, quyết định:	UBND tỉnh	05 ngày làm việc

	<p>- Nếu đủ điều kiện, ban hành Giấy phép và chuyển Giấy phép về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.</p> <p>- Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.</p>		
IV	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		03 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả của UBND tỉnh cho phòng TNN, KTTV&BDKH	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Kể từ ngày làm việc nhận được giấy phép, làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét Văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký văn bản bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu để ban hành và chuyển văn bản cho Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			31 ngày làm việc

7. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		3 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến. (Đối với hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử, thành phần hồ sơ phải nộp là các bản sao chứng thực điện tử). - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ		15 ngày làm việc
Bước 1	Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng).	Cán bộ thụ lý hồ sơ	14 ngày làm việc

	<p>Nội dung thẩm định hồ sơ bao gồm: Căn cứ pháp lý của việc đề nghị cấp phép hành nghề; sự đáp ứng các điều kiện hành nghề theo quy định; Trường hợp cần thiết, làm văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép giải trình, bổ sung để làm rõ nội dung hồ sơ; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề, năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Làm văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì làm văn bản trả lại hồ sơ; nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p>		
Bước 2	<p>- Xem xét văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ.</p> <p>- Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định</p>	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	01 ngày làm việc
III	Quyết định cấp phép và Thông báo kết quả		03 ngày làm việc
Bước 1	Xem xét ký giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1,5 ngày làm việc
Bước 2	Làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp; văn bản thông báo nộp phí và lệ phí theo quy định và thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 3	Thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép; Giao trực tiếp Giấy phép đã cấp cho tổ chức, cá nhân	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc

	hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.	làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			21 ngày làm việc

8. Tên thủ tục hành chính: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống công dịch vụ công trực tuyến. (Đối với hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử, thành phần hồ sơ phải nộp là các bản sao chứng thực điện tử). - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc

II	Thẩm định hồ sơ		10 ngày làm việc
Bước 1	<p>Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng).</p> <p>Nội dung thẩm định hồ sơ bao gồm: Căn cứ pháp lý của việc đề nghị điều chỉnh, gia hạn; sự đáp ứng các điều kiện hành nghề theo quy định; Trường hợp cần thiết, làm văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giải trình, bổ sung để làm rõ nội dung hồ sơ; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề, năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh.</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh: Làm văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh: Làm văn bản trả lại hồ sơ; nêu rõ lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho tổ chức, cá nhân, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p>	Cán bộ thụ lý hồ sơ	08 ngày làm việc
Bước 2	<p>- Xem xét văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ.</p> <p>- Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định</p>	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	02 ngày làm việc
III	Quyết định cấp phép và Thông báo kết quả		03 ngày làm việc
Bước 1	Xem xét ký gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1,5 ngày làm việc

Bước 2	Làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp; văn bản thông báo nộp phí và lệ phí theo quy định và thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 3	Thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép; Giao trực tiếp Giấy phép đã cấp cho tổ chức, cá nhân hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày làm việc

9. Thủ tục hành chính: Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bản phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện, thủy lợi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: Trường	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc

	hợp phương án chưa đạt yêu cầu, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa để bổ sung, hoàn thiện.		
II	Thẩm định và phê duyệt phương án		30 ngày làm việc
Bước 1	Kể từ ngày làm việc nhận được phương án đạt yêu cầu, làm văn bản lấy ý kiến của Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì làm văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
Bước 2	- Xem xét văn bản lấy ý kiến; hoặc văn bản trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định.	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	01 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký văn bản lấy ý kiến; hoặc văn bản trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 4	Tổ chức họp lấy ý kiến hoặc họp lập Hội đồng thẩm định.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	10 ngày làm việc
Bước 5	Tổng hợp ý kiến; làm văn bản gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện	Cán bộ thụ lý hồ sơ	03 ngày làm việc (Sau khi có ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan hoặc của Hội đồng thẩm định)
Bước 6	Làm tờ trình; Dự thảo Phương án cấm mốc giới trình Lãnh đạo Phòng	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc

	Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.		(Sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa)
Bước 7	- Xem xét Tờ trình, Dự thảo Phương án cấm mốc giới. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	01 ngày làm việc
Bước 8	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo Phương án cấm mốc giới và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 9	Chuyển Tờ trình và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 10	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 11	Xem xét, quyết định: - Nếu đủ điều kiện, ban hành Văn bản và chuyển Văn bản về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 12	Chuyển kết quả của UBND tỉnh cho phòng TNN, KTTV&BĐKH	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại	1/2 ngày làm việc

		Trung tâm PVHCC tỉnh.	
Bước 13	Báo cáo Lãnh đạo Sở và chuyển thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1,5 ngày làm việc
III	Trả kết quả giải quyết		02 ngày làm việc
Bước 1	Sau khi nhận được Phương án cấm mốc đã được phê duyệt, thông báo, trả kết quả cho tổ chức quản lý vận hành hồ chứa bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.	Trung tâm Phục vụ hành chính công.	02 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			35 ngày làm việc

10. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến. (Đối với hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử, thành phần hồ sơ phải nộp là các bản sao chứng thực điện tử). - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN,	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc

	KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định		
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ		05 ngày làm việc
Bước 1	Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng). + Trường hợp đủ điều kiện cấp lại: Làm văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp lại: Làm văn bản trả lại hồ sơ; nêu rõ lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho tổ chức, cá nhân, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	03 ngày làm việc
Bước 2	- Xem xét văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	02 ngày làm việc
III	Quyết định cấp phép và Thông báo kết quả		03 ngày làm việc
Bước 1	Xem xét ký cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1,5 ngày làm việc

Bước 2	Làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp; văn bản thông báo nộp phí và lệ phí theo quy định và thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 3	Thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận giấy phép; Giao trực tiếp Giấy phép đã cấp cho tổ chức, cá nhân hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			11 ngày làm việc

11. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận Tờ khai		1/2 ngày làm việc
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân hoàn thành 02 tờ khai và nộp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Chuyển Tờ khai đến Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định 	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
II	Thẩm định Tờ khai và xác nhận Tờ khai		8,5 ngày làm việc

Bước 1	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra nội dung thông tin trong Tờ khai: + Trường hợp đủ điều kiện xác nhận: Chuyển Tờ khai, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. + Trường hợp không đủ điều kiện xác nhận: Làm văn bản trả lại Tờ khai; nêu rõ lý do không xác nhận, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	06 ngày làm việc
Bước 3	- Xem xét Tờ khai; hoặc văn bản trả lại tờ khai. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	01 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký xác nhận Tờ khai; hoặc văn bản trả lại Tờ khai và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
III	Trả kết quả giải quyết TTHC		01 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công kết quả giải quyết TTHC	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

12. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký khai thác nước dưới đất.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận Tờ khai		1/2 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân hoàn thành 02 tờ khai và nộp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Chuyển Tờ khai đến Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
II	Thẩm định Tờ khai và xác nhận Tờ khai		13,5 ngày làm việc
Bước 1	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Kiểm tra nội dung thông tin trong Tờ khai: + Trường hợp đủ điều kiện xác nhận: Chuyển Tờ khai, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. + Trường hợp không đủ điều kiện xác nhận: Làm văn bản trả lại Tờ khai; nêu rõ lý do không xác nhận, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	Cán bộ thụ lý hồ sơ	11 ngày làm việc
Bước 3	- Xem xét Tờ khai; hoặc văn bản trả lại tờ khai. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	01 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký xác nhận Tờ khai; hoặc văn bản trả lại Tờ khai và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc

	nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu		
III	Trả kết quả giải quyết TTHC		01 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công kết quả giải quyết TTHC	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

13. Tên thủ tục hành chính: Trả lại giấy phép tài nguyên nước.

13.1. Trả lại giấy phép tài nguyên nước (trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		1/2 ngày làm việc
Bước 1	- Chủ giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ		7,5 ngày làm việc

Bước 1	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Thẩm định hồ sơ: Xem xét, kiểm tra hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Làm văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước. + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Làm văn bản trả lại, thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	06 ngày làm việc
Bước 3	- Xem xét văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước; hoặc văn bản trả lại hồ sơ. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	01 ngày làm việc
III	Quyết định trả lại giấy phép		01 ngày làm việc
Bước 1	Xem xét ký Quyết định trả lại giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
IV	Trả kết quả giải quyết TTHC		01 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận kết quả.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

13.2. Trả lại giấy phép tài nguyên nước (trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		1/2 ngày làm việc
Bước 1	<p>- Chủ giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BDKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định</p>	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ		04 ngày làm việc
Bước 1	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH	1/2 ngày làm việc
Bước 2	<p>Thẩm định hồ sơ: Xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Làm văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Làm văn bản trả lại, thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.</p>	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
Bước 3	- Xem xét văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	1/2 ngày làm việc

	phép tài nguyên nước; hoặc văn bản trả lại hồ sơ. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định		
Bước 4	Xem xét ký Tờ trình; hoặc văn bản trả lại hồ sơ và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Chuyển Tờ trình và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
III	Quyết định trả lại giấy phép		05 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, quyết định: - Nếu đủ điều kiện, ban hành Giấy phép và chuyển Giấy phép về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	4,5 ngày làm việc
IV	Trả kết quả giải quyết TTHC		1/2 ngày làm việc
Bước 1	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước để nhận kết quả giải quyết.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

14. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

14.1.1. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất (trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	<p>- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Thu phí thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định</p>	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	<p>Xem xét, kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.</p>	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc

II	Thẩm định hồ sơ và cấp phép		10 ngày làm việc
Bước 1	<p>Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng);</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện cấp lại: Làm văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép, làm văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không cấp lại giấy phép; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p>	Cán bộ thụ lý hồ sơ	08 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét văn bản Báo cáo thẩm định hồ sơ, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	01 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký giấy phép hoặc văn bản trả lại hồ sơ	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
III	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		03 ngày làm việc
Bước 1	Làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét Văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu để ban hành và chuyển văn bản cho Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc

Bước 4	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày làm việc

14.1.2. Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định. - Thu phí thẩm định hồ sơ. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định 	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc

	<p>bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.</p>		
II	Thẩm định hồ sơ		4 ngày làm việc
Bước 1	<p>Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng);</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện cấp lại: Làm tờ trình; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép, làm văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không cấp lại giấy phép; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p>	Cán bộ thụ lý hồ sơ	2,5 ngày làm việc
Bước 2	<p>- Xem xét Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ.</p> <p>- Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định.</p>	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo giấy phép hoặc văn bản trả lại hồ sơ và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BDKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Chuyển Tờ trình và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
III	Quyết định cấp giấy phép		06 ngày làm việc

Bước 1	Xem xét ký Tờ trình; hoặc văn bản trả lại hồ sơ và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Chuyển Tờ trình và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, quyết định: - Nếu đủ điều kiện, ban hành Giấy phép và chuyển Giấy phép về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.	UBND tỉnh	4,5 ngày làm việc
IV	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		03 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả của UBND tỉnh cho phòng TNN, KTTV&BĐKH	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét Văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu để ban hành	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc

	và chuyển văn bản cho Trung tâm Phục vụ hành chính công		
Bước 5	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày làm việc

14.2. Cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định. - Thu phí thẩm định hồ sơ. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định 	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc

	<p>chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì làm văn bản trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.</p>		
II	Thẩm định hồ sơ		05 ngày làm việc
Bước 1	<p>Kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định hồ sơ của các thành viên trong phòng (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng);</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện cấp lại: làm tờ trình; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép, làm văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không cấp lại giấy phép; trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p>	Cán bộ thụ lý hồ sơ	3,5 ngày làm việc
Bước 2	<p>- Xem xét tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ.</p> <p>- Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định</p>	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Chuyển Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
III	Quyết định cấp lại giấy phép		05 ngày làm việc

Bước 1	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, quyết định: - Nếu đủ điều kiện, ban hành Giấy phép và chuyển Giấy phép về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.	UBND tỉnh	4,5 ngày làm việc
IV	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		03 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả của UBND tỉnh cho phòng TNN, KTTV&BDKH	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh.	1/2 ngày làm việc
Bước 2	kể từ ngày làm việc nhận được giấy phép, làm văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét Văn bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký văn bản bản hướng dẫn thực hiện giấy phép đã được cấp và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu để ban hành và chuyển văn bản cho Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc

		làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			16 ngày làm việc

15. Thủ tục hành chính: Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³ /giây trở lên

15.1. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³ /giây trở lên (**Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh**)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		01 ngày làm việc
Bước 1	- Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) để thẩm định	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	01 ngày làm việc
II	Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời		38 ngày làm việc
Bước 1	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Làm văn bản tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc

	tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng.		
Bước 3	Xem xét Văn bản và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	01 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký văn bản và chuyển lại cho Phòng TNN, KTTV&BĐKH	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng.	Cán bộ thụ lý hồ sơ; Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH; Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	27 ngày làm việc
Bước 6	Tổng hợp ý kiến; làm văn bản báo cáo UBND tỉnh kết quả lấy ý kiến và Dự thảo văn bản trả lời xin ý kiến	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét văn bản báo cáo UBND tỉnh kết quả lấy ý kiến; Dự thảo văn bản trả lời xin ý kiến và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Ký văn bản báo cáo UBND tỉnh kết quả lấy ý kiến; Dự thảo văn bản trả lời xin ý kiến và chuyển lại cho Phòng TNN, KTTV&BĐKH	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 9	Chuyển văn bản báo cáo UBND tỉnh kết quả lấy ý kiến; Dự thảo văn bản trả lời xin ý kiến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 10	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	1/2 ngày làm việc
Bước 11	Xem xét ký văn bản trả lời xin ý kiến và chuyển kết quả lại cho	Văn phòng UBND tỉnh	03 ngày làm việc

	Trung tâm Phục vụ hành chính công.		
III	Trả kết quả giải quyết TTHC		01 ngày làm việc
Bước 1	Sau khi nhận được văn bản trả lời xin ý kiến của UBND tỉnh, thông báo cho Chủ dự án để nhận kết quả	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		40 ngày làm việc	

15.2. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³ /giây trở lên (Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh**)**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		01 ngày làm việc
Bước 1	- Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	01 ngày làm việc
II	Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời		58 ngày làm việc
Bước 1	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc

Bước 2	Làm văn bản xin ý kiến gửi các đơn vị liên quan và gửi các tài liệu liên quan đến các đơn vị liên quan xin ý kiến.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	03 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét văn bản xin ý kiến và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH	01 ngày làm việc
Bước 4	Ký văn bản xin ý kiến và chuyển lại cho Phòng TNN, KTTV&BDKH.	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 5	Gửi Văn bản xin ý kiến và các tài liệu kèm theo cho các đơn vị liên quan	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 6	Tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án	Cán bộ thụ lý hồ sơ; Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH; Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	43 ngày làm việc
Bước 7	Tổng hợp ý kiến; làm văn bản báo cáo UBND tỉnh kết quả lấy ý kiến và Dự thảo văn bản trả lời xin ý kiến	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 8	Xem xét văn bản báo cáo UBND tỉnh kết quả lấy ý kiến; Dự thảo văn bản trả lời xin ý kiến và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH	1/2 ngày làm việc
Bước 9	Ký văn bản báo cáo UBND tỉnh kết quả lấy ý kiến; Dự thảo văn bản trả lời xin ý kiến và chuyển lại cho Phòng TNN, KTTV&BDKH	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 10	Chuyển văn bản báo cáo UBND tỉnh kết quả lấy ý kiến; Dự thảo văn bản trả lời xin ý kiến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 11	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	1/2 ngày làm việc

Bước 12	Xem xét ký văn bản trả lời xin ý kiến và chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn phòng UBND tỉnh	05 ngày làm việc
IV	Trả kết quả giải quyết TTHC		01 ngày làm việc
Bước 1	Sau khi nhận được văn bản trả lời xin ý kiến của UBND tỉnh, thông báo cho Chủ dự án để nhận kết quả	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		60 ngày làm việc	

II. TTHC thực hiện tại cấp huyện.

1. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký khai thác nước dưới đất.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận Tờ khai		1/2 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân hoàn thành 02 tờ khai và nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đến tại Bộ phận TN&TKQ cấp huyện. - Chuyển Tờ khai đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Cán bộ bộ phận TN&TKQ cấp xã; hoặc cấp huyện	1/2 ngày làm việc
II	Thẩm định Tờ khai và xác nhận Tờ khai		8,5 ngày làm việc
Bước 1	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc

Bước 2	kiểm tra nội dung thông tin trong Tờ khai: + Trường hợp đủ điều kiện xác nhận: Chuyển Tờ khai, trình Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường. + Trường hợp không đủ điều kiện xác nhận: Làm văn bản trả lại Tờ khai; nêu rõ lý do không xác nhận.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	06 ngày làm việc
Bước 3	- Xem xét Tờ khai; hoặc văn bản trả lại tờ khai. - Trình Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ký xác nhận Tờ khai; hoặc văn bản trả lại Tờ khai và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
III	Trả kết quả giải quyết TTHC		01 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận TN&TKQ cấp huyện	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả	Cán bộ bộ phận TN&TKQ cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			10 ngày làm việc

2. Thủ tục hành chính: Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000m) có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày làm việc đêm trở lên

2.1. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm

một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hồ đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000m) có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày làm việc đếm trở lên (**Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh**)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	- Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ cấp huyện. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Cán bộ bộ phận TN&TKQ cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp chưa đạt yêu cầu, làm văn bản hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
II	Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời		27 ngày làm việc
Bước 1	Làm văn bản tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét Văn bản và trình Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc

Bước 3	Xem xét ký văn bản và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng.	Cán bộ thụ lý hồ sơ; Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường; Lãnh đạo UBND cấp huyện	22 ngày làm việc
Bước 5	Tổng hợp ý kiến; làm văn bản trả lời xin ý kiến trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 6	Xem xét văn bản trả lời xin ý kiến và trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 7	Ký Văn bản trả lời xin ý kiến và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Chuyển kết quả đến Bộ phận TN&TKQ cấp huyện	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 9	Thông báo cho Chủ dự án để nhận kết quả giải quyết TTHC	Cán bộ bộ phận TN&TKQ cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		30 ngày làm việc	

2.2. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giờ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000m) có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày làm việc đếm trở lên (**Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh**).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 1	- Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ cấp huyện. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Cán bộ bộ phận TN&TKQ cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp chưa đạt yêu cầu, làm văn bản hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
II	Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời		37 ngày làm việc
Bước 1	Làm văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyên nước đề xuất hoặc đối thoại trực tiếp với chủ đầu tư;	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét văn bản đề nghị và trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Ký Văn bản đề nghị và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc

Bước 4	Hướng dẫn, hỗ trợ theo đề nghị của UBND cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	05 ngày làm việc (kể từ ngày làm việc nhận được văn bản đề nghị của UBND cấp huyện)
Bước 5	Tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thoại trực tiếp với chủ đầu tư;	Cán bộ thụ lý hồ sơ; Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường; Lãnh đạo UBND cấp huyện	26 ngày làm việc (kể từ ngày làm việc nhận được văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường)
Bước 6	Tổng hợp ý kiến; làm văn bản trả lời xin ý kiến trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét văn bản trả lời xin ý kiến và trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Ký Văn bản trả lời xin ý kiến và chuyển lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Bước 9	Chuyển kết quả đến Bộ phận TN&TKQ cấp huyện	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 10	Thông báo cho Chủ dự án để nhận kết quả giải quyết TTHC	Cán bộ bộ phận TN&TKQ cấp huyện	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		40 ngày làm việc	

B. TTHC Lĩnh vực Khí tượng thủy văn**I. TTHC thực hiện tại Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Thủ tục hành chính: Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		02 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BĐKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
II	Thẩm định hồ sơ		10 ngày làm việc
Bước 1	Xem xét, tổ chức thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận : + Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Làm Tờ trình; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài	Cán bộ thụ lý hồ sơ	07 ngày làm việc

	nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. + Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép: Làm văn bản trả lại hồ sơ, nêu rõ những nội dung trong hồ sơ chưa đạt yêu cầu, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.		
Bước 2	- Xem xét Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	01 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 4	Chuyển Tờ trình; Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
III	Quyết định cấp giấy phép		04 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, quyết định: - Nếu đủ điều kiện, ban hành Giấy phép và chuyển Giấy phép về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.	UBND tỉnh	03 ngày làm việc
IV	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		01 ngày làm việc

Bước 1	Sau khi nhận được giấy phép (hoặc văn bản trả lại hồ sơ), thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép; hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			17 ngày làm việc

2. Thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		02 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BDKH) - Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BDKH	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, làm văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc

	sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.		
II	Thẩm định hồ sơ		10 ngày làm việc
Bước 1	Xem xét, tổ chức thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận: + Trường hợp đủ điều kiện sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép: Làm Tờ trình; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. + Trường hợp không đủ điều kiện: Làm văn bản trả lại hồ sơ, nêu rõ những nội dung trong hồ sơ chưa đạt yêu cầu, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	7 ngày làm việc
Bước 2	- Xem xét Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	01 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	01 ngày làm việc
Bước 4	Chuyển Tờ trình; Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
III	Quyết định cấp giấy phép		04 ngày làm việc
Bước 1	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, quyết định: - Nếu đủ điều kiện, ban hành Giấy phép và chuyển Giấy phép về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải	UBND tỉnh	03 ngày làm việc

	TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh. - Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải TTHC lĩnh vực TN&MT - Trung tâm PVHCC tỉnh.		
IV	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		01 ngày làm việc
Bước 1	Sau khi nhận được giấy phép (hoặc văn bản trả lại hồ sơ), thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép; hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			17 ngày làm việc

3. Thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian
I	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ		1/2 ngày làm việc
Bước 1	- Tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến. - Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (TNN, KTTV&BDKH) - Sở	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1/2 ngày làm việc

	Tài nguyên và Môi trường để thẩm định		
II	Thẩm định hồ sơ		03 ngày làm việc
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ, phân công cán bộ thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH	1/2 ngày làm việc
Bước 1	xem xét, thẩm định, thẩm tra: + Trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép: Làm Tờ trình; Dự thảo Giấy phép trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. + Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép: Làm văn bản trả lại hồ sơ, nêu rõ những nội dung trong hồ sơ chưa đạt yêu cầu, trình Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 2	- Xem xét Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ. - Trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Phòng TNN, KTTV&BĐKH.	1/2 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét ký Tờ trình, Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại hồ sơ và chuyển kết quả lại cho phòng TNN, KTTV&BĐKH.	Lãnh đạo Sở TN&MT	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Chuyển Tờ trình; Dự thảo giấy phép; hoặc văn bản trả lại và hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Cán bộ thụ lý hồ sơ	1/2 ngày làm việc
Bước 7	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.	Cán bộ Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	1/2 ngày làm việc
III	Quyết định cấp giấy phép		01 ngày làm việc
Bước 1	Xem xét, quyết định:	UBND tỉnh	01 ngày làm việc

	<p>- Nếu đủ điều kiện, ban hành giấy phép và chuyển giấy phép về Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nếu không đủ điều kiện, có văn bản trả lại hồ sơ chuyển lại cho Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.</p>		
III	Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép		1/2 ngày làm việc
Bước 1	Sau khi nhận được giấy phép (hoặc văn bản trả lại hồ sơ), thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép; hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2913/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1427/QĐ-BGTVT ngày 08/11/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2639/TTr-SGTVT ngày 15/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ 05 thủ tục hành chính (TTHC số 01, 02, 03, 04, 09 lĩnh vực đường sắt tại Mục IV, Phần I. TTHC cấp tỉnh) tại Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
I	Lĩnh vực đường sắt					
1	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Không thu phí, lệ phí.	- Luật Đường sắt năm 2017. - Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.	Một cửa

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
2	Bãi bỏ đường ngang	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Không thu phí, lệ phí	- Luật Đường sắt năm 2017. - Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.	Một cửa
3	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Không thu phí, lệ phí.	- Luật Đường sắt năm 2017. - Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.	Một cửa

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
4	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Không thu phí, lệ phí	- Luật Đường sắt năm 2017. - Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.	Một cửa
5	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Không thu phí, lệ phí	- Luật Đường sắt năm 2017. - Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.	Một cửa

Phụ lục II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT
BỊ BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên TTHC	Đã được công bố tại địa phương theo Quyết định
1	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên
2	Bãi bỏ đường ngang	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên
3	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên
4	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên
5	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2914/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực
Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2521/QĐ-BKHCN ngày 06/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 107/TTr-KHCN ngày 10/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên (*có Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/11/2023.

Quyết định này bãi bỏ 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (*số thứ tự 32 mục I*) được công bố tại Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH THÁI NGUYÊN

*(Kèm theo Quyết định số: 2914/QĐ-UBND
 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản Quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
1	Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	Thông tư số 20/2023/TT-BKH-CN ngày 12/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2915/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực công chứng;
lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2683/QĐ-BTP ngày 09/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2687/QĐ-BTP ngày 09/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2148/TTr-STP và Tờ trình số 2153/TTr-STP ngày 13/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực công chứng; lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ 06 thủ tục hành chính về lĩnh vực công chứng (mục IX Phần II TTHC cấp tỉnh); 07 thủ tục hành chính về lĩnh vực nuôi con nuôi (04 TTHC tại mục I Phần II TTHC cấp tỉnh; 01 TTHC tại mục III Phần III TTHC cấp huyện; 02 TTHC tại mục III Phần IV TTHC cấp xã) được ban hành tại Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG; LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. TTHC CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG					
1	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	<p>- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10</p>	<p>+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	Không	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
2	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	<ul style="list-style-type: none"> + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng. 	Một cửa
3	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành	- Trường hợp người tập sự tự liên hệ tập sự được với tổ chức hành nghề công chứng khác nhận tập sự thì thời hạn giải	<ul style="list-style-type: none"> + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	ngành công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng; - Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.	Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.		Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.	
4	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	- Thời hạn đề Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự ra quyết định xóa đăng ký tập sự là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự.	+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương,	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13. - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
	<p>ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác</p>	<p>- Thời hạn đề Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến thực hiện việc đăng ký tập sự:</p> <p>(i) Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>(ii) Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
5	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng.	+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/TT-BTP; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.	Một cửa
6	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/TT-BTP; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
7	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	Phí: 3.500.000 đồng/hồ sơ.	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
II	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI					
1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em 	<p>1. Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Cơ sở nuôi dưỡng lập, chuyển Cơ quan chủ quản cho ý kiến, Cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng gửi Sở Tư pháp kèm theo văn bản cho ý kiến.</p> <p>- Nơi tiến nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ:</p>	<p>Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.</p> <p>Trường hợp người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài thì nộp lệ phí, chí phí thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài.</p> <p>Mức thu lệ phí và chi phí:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP 	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>đối với trẻ em bị bỏ rơi 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú</p>	<p>Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>2. Hồ sơ của người nhận con nuôi: Nộp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi).</p>	<p>+) Lệ phí : 9.000.000 (chín triệu) đồng/trường hợp.</p> <p>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p> <p>+) Chi phí: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn chi phí.</p> <p>Thời điểm nộp lệ phí và chi phí:</p>	<p>ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <p>- Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10</p>		<p>+) Đối với lệ phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>+) Đối với chi phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất</p>	<p>- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không đồng ý.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp chuẩn bị cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trẻ 64 Phần in nghiêng là nội dung</p>		<p>là 01 năm nộp sau khi người nhận con nuôi đồng ý với kết quả giới thiệu trẻ em.</p>	<p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>thay đổi. 65 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi. 57 em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể t ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý.</p> <p>- Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo cho Sở Tư pháp 15 ngày, kể từ ngày nhận</p>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
		<p>được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ</p>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày				
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	<p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ</p>	<p>1. Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Nơi tiến nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường</p>	<p>Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.</p> <p>- Mức thu lệ phí: + Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 4.500.000 (bốn triệu đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi 2010; 82 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi. 71</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p>	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước chưa là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam: Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với</p>	<p>Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>2. Hồ sơ của người nhận con nuôi: Nộp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi).</p>	<p>+ Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 (chín triệu) đồng/trường hợp).</p> <p>- Mức thu chi phí: Không quy định.</p> <p>Thời điểm nộp lệ phí: Nộp sau khi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của</p>	<p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>Việt Nam:</p> <p>+ Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông báo cho Sở Tư pháp 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận</p>		<p>người nhận con nuôi.</p>	<p>hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>người được nhận làm con nuôi được nhập cảnh và thường trú tại nước đó.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. 77 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi. 78 Phần in nghiêng là nội dung thay đổi. 69</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng</p>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.				
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Nơi tiến nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	Không	<p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.	
4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<p>- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p>	<p>- Nơi tiên nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	Lệ phí: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp.	<p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nuôi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.	

B. TTHC CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI					
1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Nơi tiên nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến.)	- Luật Hộ tịch 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;	

			<p>Phí cấp bản sao Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục (Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.)</p>	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một	
--	--	--	---	---	--

					<p>số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; 	
--	--	--	--	--	---	--

					<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.- Nghị quyết số 49/2016/NQ-
--	--	--	--	--	---

HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định 30/2021/QĐ-UBND bãi bỏ một phần Quyết định 44/2016/QĐ-UBND Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh

					Thái Nguyên. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
--	--	--	--	--	---

C. TTHC CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI					
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 30 ngày, trong đó: - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Thời gian cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong	Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	Mức thu lệ phí: 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP	Một cửa

		<p>nước, Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.</p>		<p>hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>	<p>ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và 	
--	--	---	--	---	---	--

					<p>lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>	
2	Đăng ký lại việc nuôi con	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả	Không	<p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21</p>	Một cửa

	nuôi trong nước		<p>kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã</p>		<p>tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và 	
--	-----------------	--	--	--	--	--

				<p>lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>	
--	--	--	--	--	--

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG	
1	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
2	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
3	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
4	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021

	tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
5	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
6	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
II	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI	
1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
4	Giải quyết việc người nước ngoài ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
III	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI	
1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
III	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI	
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>